|  |
| --- |
| **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II -2022** |
| **MÔN SINH HỌC LỚP 11 -TỰ LUẬN, THỜI GIAN 45 PHÚT** |
|  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | **tổng số câu** | **Tổng thời gian** | **tỉ lệ %** |
| **NHẬN BIÊT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | **VẬN DỤNG CAO** |
| **Ch TN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **ChTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **ChTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **chTL** |
| 1 | Sinh trưởng ở thực vật |  |  | *1* | *1,5* |  |  | *1* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *3,5* | *10%* |
| 2 | Hoocmôn thực vật |  |  |  |  |  |  | *1* | *2* |  |  | *1* | *3* |  |  |  |  |  |  | *5* | *10%* |
| 3 | Phát triển ở thực vật có hoa |  |  | *1* | *1,5* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *1* | *4,5* |  |  | *6* | *10%* |
| 4 | Sinh trưởng và phát triển ở động vật |  |  | *1* | *1,5* |  |  | *1* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *3,5* | *10%* |
| 5 | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật |  |  | *1* | *1,5* |  |  | *1* | *2* |  |  | *1* | *3* |  |  |  |  |  |  | *6,5* | *15%* |
| 6 | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật (tt) |  |  |  |  |  |  | *1* | *2* |  |  | *1* | *3* |  |  | *1* | *4,5* |  |  | *9,5* | *15%* |
| 7 | Sinh sản vô tính ở thực vật |  |  | *2* | *3* |  |  |  |  |  |  | *1* | *3* |  |  |  |  |  |  | *6* | *15%* |
| 8 | Sinh sản hữu tính ở thực vật |  |  | *2* | *3* |  |  | *1* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *5* | *15%* |
| *Tổng*  |   |  |  | *8* | *12* |  |  | *6* | *12* |  |  | *4* | *12* |  |  | *2* | *9* |  | *20* |  45  | *100%* |
| *Tỉ lệ*  |  | 40% | 30% | 20% | 10% |   |   |   | 100% |
| Tổng điểm | *4* | *3* | *2* | *1* |   |   |   | 10 |

|  |
| --- |
|  **ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II -2022** |

**MÔN: SINH HỌC LỚP 11 - THỜI GIAN : 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dungkiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | **Sinh trưởng và phát triển****thực vật** | Sinh trưởng ở thực vật | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm sinh trưởng thực vật, sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp.- Nêu được khái niệm mô phân sinh.- Liệt kê được các loại mô phân sinh.- Nhận biết được vị trí của mô phân sinh đỉnh, mô phân sinh bên.- Liệt kê được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng của thực vật.- Liệt kê được các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng của thực vật.**Thông hiểu:**- Phân biệt các loại mô phân sinh.- Xác định được nhóm thực vật có sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp.- Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp và thứ cấp.- Trình bày được chức năng của mô phân sinh. - Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố bên trong và bên ngoài đối với sự sinh trưởng của thực vật. | 1 | 1 |  |  |
| **2** | Hoocmôn thực vật | **Nhận biết:**- Tái hiện được khái niệm hoocmôn thực vật.- Liệt kê được các loại hoocmôn kích thích sinh trưởng ở thực vật.- Liệt kê được các loại hoocmôn ức chế sinh trưởng ở thực vật.- Nêu được điểm chung của hoocmôn thực vật.- Nhận biết được vai trò của từng loại hoocmôn.**Thông hiểu:**- Phân biệt các nhóm hoocmon kích thích và ức chế.- Trình bày được tác động sinh lý của các loại hoocmôn.- Trình bày được mối tương quan giữa các loại hoocmôn. **Vận dụng:**- Mô tả được ứng dụng của hoocmôn thực vật trong sản xuất nông nghiệp.- Giải thích sự tương quan giữa các loại hoocmôn.- Trình bày được mối liên hệ giữa tác động sinh lí của các loại hoocmôn với việc ứng dụng các hoocmôn trong sản xuất và đời sống. |  | 1 | 1 |  |
| **3** |  | Phát triển ở thực vật có hoa | **Nhận biết:**- Tái hiện được khái niệm phát triển ở thực vật.- Liệt kê được các nhân tố chi phối sự ra hoa.- Nhận biết thời điểm ra hoa của cây.**Thông hiểu:**- Phân biệt được sinh trưởng và phát triển ở thực vật.-Trình bày được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển ở thực vật có hoa. - Liệt kê ví dụ về phát triển của thực vật có hoa.- Giải thích sự ra hoa là giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển của thực vật Hạt kín.**Vận dụng:**- Sử dụng những kiến thức sinh trưởng, phát triển vào trong trồng trọt.**Vận dụng cao:** -Xây dựng quy trình kỹ thuật chăm sóc cây trồng, điều chỉnh sự ra hoa, quả phù hợp theo mục đích của con người.- Áp dụng được kiến thức về sinh trưởng vào các thao tác xử lí hạt. củ nảy mầm.- Ứng dụng kiến thức về quang chu kì vào sản xuất nông nghiệp (trồng theo mùa vụ). | 1 |  |  | 1 |
| 4 | **Sinh trưởng và phát triển****động vật** | Sinh trưởng và phát triển ở động vật | **Nhận biết**- Nhận ra (Nêu) được khái niệm sinh trưởng, phát triển ở động vật. - Nêu được khái niệm biến thái ở động vật.- Nêu được khái niệm phát triển không qua biến thái, phát triển qua biến thái, phát triển qua biến thái hoàn toàn, phát triển qua biến thái không hoàn toàn.- Liệt kê các hình thức phát triển ở động vật. Lấy ví dụ minh họa.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các hình thức biến thái ở động vật dựa vào đối tượng, các giai đoạn.- Mô tả các giai đoạn phát triển không qua biến thái.- Phân biệt được sinh trưởng và phát triển.- Phân biệt được phát triển qua biến thái và không qua biến thái; phát triển qua biến thái hoàn toàn và không hoàn toàn. | 1 | 1 |  |  |
|  |  | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật | **Nhận biết:**- Kể tên một số tuyến nội tiết, hoocmôn ở động vật có xương sống.- Trình bày được vai trò của 1 số loại hoocmônquan trọng ở động vật có xương sống.- Nêu được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật. - Kể tên được các loại hoocmôn ảnh hưởng đến động vật có xương sống.- Liệt kê được nơi sản xuất và tác dụng sinh lý của các loại hoocmôn: sinh trưởng, tiroxin, hoocmôn sinh dục.**Thông hiểu:**- Giải thích được một số bệnh rối loạn do sự thay đổi nồng độ hoocmôn ở động vật và người.- Giải thích được vì sao các loại hoocmôn trên lại ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật có xương.**Vận dụng:**- Giải thích được hậu quả của việc mất cân bằng hormone ở động vật có xương sống.**Vận dụng cao:**- Đề xuất những biện pháp khắc phục việc mất cân bằng hormone ở động vật có xương sống. | 1 | 1 | 1 |  |
|  |  | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật (tt) | **Nhận biết:**- Nêu được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật. - Liệt kê một số nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển ở động vật.**Thông hiểu:**- Phân tích được tác động của các nhân tố bên ngoài đến sự sinh trưởng, phát triển ở động vật.-**Vận dụng:**- Giải thích được một số hiện tượng do ảnh hưởng của nhân tố thức ăn, nhiệt độ, ánh sáng đến sinh trưởng và phát triển ở người và động vật.**Vận dụng cao:**- Đề xuất biện pháp khắc phục những ảnh hưởng của ngoại cảnh đến sự sinh trưởng, phát triển ở động vật. |  | 1 | 1 | 1 |
|  | **Sinh sản thực vật** | Sinh sản vô tính ở thực vật | **Nhận biết:**- Tái hiện được khái niệm chung về sinh sản, sinh sản vô tính ở thực vật.- Liệt kê được các hình thức sinh sản ở thực vật.- Liệt kê được các hình thức và đại diện của sinh sản vô tính.- Nêu vai trò của sinh sản vô tính của thực vật.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các cơ quan sinh sản sinh dưỡng ở thực vật.- Trình bày những ưu điểm của phương pháp nhân giống vô tính.**Vận dụng:**- Giải thích được ưu điểm và nhược điểm của phương pháp nhân giống vô tính so với cây trồng từ hạt.- Giải thích được vì sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép.- Làm rõ đượcưu điểm của phương pháp nhân giống vô tính so với cây trồng từ hạt.**Vận dụng cao:**- Ứng dụng được vai trò của sinh sản vô tính vào đời sống con người | 2 |  | 1 |  |
|  |  | Sinh sản hữu tính ở thực vật | **Nhận biết:**- Phát biểu (tái hiện) được khái niệm sinh sản hữu tính ở thực vật.- Liệt kê được các đặc trưng của sinh sản hũu tính ở thực vật.- Nhận biết cơ quan sinh sản đực.- Nhận biết cơ quan sinh sản cái.- Nêu được vai trò của quả đối với sự phát triển của thực vật và đời sống con người**Thông hiểu:**- Trình bày được quá trình hình thành hạt phấn và túi phôi ở thực vật.- Mô tả quá trình thụ phấn và thụ tinh ở thực vật,Phân biệt thụ phấn và thụ tinh.- Hiểu được vì sao khi quả chín thường có màu sắc đẹp và hương vị hấp dẫn.- Phân biệt sinh sản hữu tính ở động vật và thực vật.- Mô tả quá trình hình thành hạt phấn.- Mô tả quá trình hình thành túi phôi.- Mô tả quá trình thụ tinh kép ở cây 1 lá mầm. - Phân biệt tự thụ phấn và thụ phấn chéo.- Phân biệt hai loại hạt: Hạt có nội nhũ và hạt không có nội nhũ.- Xác định nguồn gốc tạo thành phôi, hạt, nội nhũ, quả.**Vận dụng:** - Giải thích được vì sao nói sinh sản hữu tính làm tăng khả năng thích nghi và giúp cho quần thể tồn tại được trong môi trường biến động.- Từ sự hình thành và sự chín của quả:+ Giải thích được vai trò của quả đối với sự phát triển của đời sống thực vật.+ Giải thích đượcvai trò của quả đối với con người.- Giải thích được cơ sở để tạo quả không hạt.**Vận dụng cao:** - Hãy đưa ra đánh giá, nhận xét về nhiều loại quả không hạt (nho, dưa hấu,...) được bán ở thị trường Việt Nam. | 2 | 1 |  |  |
| Tổng |  | 8 | 6 | 4 | 2 |
| Tỉ lệ |  |  | 40% | 30% | 20% | 10% |